

Số: 01/2020/QĐST - HNGĐ

Tân Uyên, ngày 24 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Thúy Phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020. Về việc " Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐST- HNGĐ ngày 25/11/ 2020 và Quyết định hoãn phiên họp số: 01/2020/QĐST- HNGĐ ngày 08/12/ 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Cầm Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu (vắng mặt - có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lù Văn T, sinh ngày 26/12/1993. Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. Chị Lò Thị H, sinh ngày 06/12/1993. Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Huy K - chức vụ Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T (vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu bà Cẩm Thị N trình bày:

Anh Lù Văn T, sinh ngày 26/12/1993 và chị Lò Thị H, sinh ngày 06/12/1993, hiện đang cư trú tại bản Bản N, xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Tại giấy đăng ký kết hôn số 17/2011, quyển số 01/2011, cấp ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu thể hiện Lù Văn T sinh ngày 26/12/1992 là ghi sai năm sinh, đồng thời tính đến thời điểm kết hôn thì Lù Văn T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà Cẩm Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù Văn T và chị Lò Thị H theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lù Văn T và chị Lò Thị H đều trình bày: Anh T và chị H đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, công chức tư pháp xã T không yêu cầu anh T cung cấp giấy tờ tùy thân mà chỉ yêu cầu viết bản tự khai. Do biết bản thân không đủ tuổi kết hôn nên anh Lù Văn T đã khai mình tên là Lù Văn T1, sinh ngày 26/12/1992. Căn cứ bản tự khai của anh T và chị H, Ủy ban nhân dân xã T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Lù Văn T1, sinh ngày 26/12/1992 và Lò Thị H, sinh ngày 06/12/1993, vào sổ số 17/2011, quyển số 01/2011, cấp ngày 01/11/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị H chung sống với nhau hạnh phúc và hiện nay có 03 con chung là Lù Thị Minh H, sinh ngày 20/9/2011; cháu Lù Thị Hồng M, sinh ngày 08/5/2014 và cháu Lù Quang N, sinh ngày 30/7/2020 hiện tại chưa thực hiện việc khai sinh đối với cháu N. Anh T và chị H yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi anh T và chị H đủ tuổi kết hôn là ngày 26/12/2013 theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, chia tài sản.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, xác định: Anh Lù Văn T1, sinh ngày 26/12/1992 và Lù Văn T sinh ngày

26/12/1993 là một người. Lù Văn T1 có tên gọi chính xác là Lù Văn T, sinh ngày 26/12/1993. Tính đến ngày đăng ký kết hôn 01/11/2011, anh T mới được 17 tuổi 11 tháng 25 ngày. Ủy ban nhân dân xã T đã căn cứ vào lời khai của anh T, chị H để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà không yêu cầu cung cấp thêm giấy tờ tùy thân khác để xác định chính xác ngày tháng năm sinh của anh T và chị H nên dẫn đến sai sót như trên. Ủy ban nhân dân xã T nhất trí với nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Cầm Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên áp dụng: Các Điều 366; 367; 369; 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Cầm Thị N: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù Văn T và chị Lò Thị H theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2011, quyển số 01/2011, cấp ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lù Văn T và chị Lò Thị H kể từ ngày 26/12/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người liên quan và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu là bà Cầm Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T có

đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Anh Lù Văn T, sinh ngày 26/12/1993 và chị Lò Thị H, sinh ngày 06/12/1993 đăng ký kết hôn ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Lù Văn T mới được 17 tuổi 11 tháng 25 ngày nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Cầm Thị N về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị H theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2011, quyển số 01/2011, cấp ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh Lù Văn T và chị Lò Thị H đều đã đủ tuổi kết hôn (anh T đủ tuổi kết hôn kể từ ngày 26/12/2013), hơn nữa sau khi kết hôn anh Lù Văn T và chị Lò Thị H vẫn chung sống hạnh phúc, hòa thuận và đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn. Xét yêu cầu của anh T, chị H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận.

Về con chung và chia tài sản chung: anh Lù Văn T và chị Lò Thị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lù Văn T và chị Lò Thị H theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Cầm Thị N không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự; anh Lù Văn T và chị Lò Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Cẩm Thị N. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lù Văn T (Lù Văn T1) và chị Lò Thị H theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2011, quyển số 01/2011, cấp ngày 01/11/2011 của Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu

Chấp nhận yêu cầu của anh Lù Văn T và chị Lò Thị H về việc công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị H kể từ thời điểm anh T đủ tuổi kết hôn là ngày 26/12/2013.

2. Kiến nghị UBND xã T, huyện TU, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lù Văn T và chị Lò Thị H theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Bà Cẩm Thị N không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Anh Lù Văn T và chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0000901 ngày

29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Anh T và chị H đã nộp đủ tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Thân Thuộc;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Oanh